

DANH SÁCH CÁC BỆNH VIỆN/ PHÒNG KHÁM SỬ DỤNG GÓI ĐẶC QUYỀN GÓI KHÁM SỨC KHỎE TỔNG QUÁT

Trân trọng gửi tặng Quý khách Gói đặc quyền chăm sóc sức khỏe tại các bệnh viện/phòng khám uy tín, hàng đầu.

- Quý khách vui lòng đặt dịch vụ trước **tối thiểu 03 ngày** và **tối đa 45 ngày** so với thời điểm dự kiến sử dụng dịch vụ.
- Trong vòng 24 giờ kể từ khi đăng ký đặc quyền, Quý khách sẽ nhận được cuộc gọi từ Đối tác UrBox qua số hotline **1800282801** để xác nhận thông tin đặt lịch sử dụng dịch vụ.

Lưu ý:

- Để đổi/hủy lịch đặt chỗ, Quý khách vui lòng thông báo tới Tổng đài miễn phí của Đối tác UrBox trước **tối thiểu 3 ngày**, và đổi 1 lần duy nhất trong thời hạn sử dụng quà tặng. Lịch sử dụng mới **tối đa 45 ngày** kể từ ngày đổi lịch.
- Quà tặng sẽ không được hoàn lại tiền thừa và không có giá trị quy đổi thành tiền mặt. Quý khách vui lòng thanh toán thêm phần chi phí vượt giá trị của quà tặng.
- Quà tặng không áp dụng cùng chương trình khuyến mãi khác.
- Phụ thu có thể được áp dụng khi sử dụng dịch vụ vào ngày Lễ - Tết và các ngày diễn ra sự kiện đặc biệt theo quy định của mỗi cơ sở (Nếu có);
- Khách hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin quà tặng. UrBox sẽ không chịu trách nhiệm hoàn trả các quà tặng bị mất hoặc ở trạng thái “*Đã sử dụng*” sau thời gian quà tặng được xuất ra với bất kỳ lý do gì.
- Trạng thái quà tặng “*Đã sử dụng*” không còn giá trị để đặt dịch vụ.

GÓI DIAMOND ELITE

STT	TỈNH/ THÀNH PHỐ	ĐƠN VỊ CUNG CẤP	ĐỊA CHỈ	CHI TIẾT GÓI KHÁM
1	Hà Nội Tp. Hồ Chí Minh Đà Nẵng Kiên Giang Khánh Hòa Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	1. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City 458 Đ.Minh Khai, KĐT Times City, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội. 2. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park 208 Đ.Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q.Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh 3. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	A. NAM Khám lâm sàng 1. KSK_Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám 2. KSK_Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám 3. KSK_Khám Kiểm Tra Thị Lực Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt

			Đ.30 tháng 4, KDC số 4 Nguyễn Tri Phương, P. Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng 4. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc Bãi Dài, X.Gành Dầu, H.Phú Quốc, T.Kiên Giang 5. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang 42A Đ.Trần Phú, P.Vĩnh Nguyên, Tp.Nha Trang, Khánh Hòa 6. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long Số 10A Đ.Lê Thánh Tông, P.Hòn Gai, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh. 7. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hải Phòng Đ.Võ Nguyên Giáp, P.Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Tp.Hải Phòng.	4. KSK_Khám kiểm tra răng miệng Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng 5. KSK_Kiểm tra TMH Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai. Cận lâm sàng - Xét nghiệm 6. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan 7. Định lượng Cholesterol Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác 8. Định lượng Triglycerid Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác 9. Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu 10. Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu 11. Đo hoạt độ AST (GOT) Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan 12. Đo hoạt độ ALT (GPT) Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan 13. Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan 14. HBsAg miễn dịch tự động Kiểm tra tình trạng nhiễm virus viêm gan B 15. HBsAb định lượng Kiểm tra kháng thể với kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B 16. Định lượng Creatinin Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận 17. Định lượng Ure Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo. 18. Định lượng Axit uric
--	--	--	---	---

				Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng 19. Định lượng Glucose Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu 20. Định lượng HbA1c Bất thường tăng 21. Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt 22. Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt 23. Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động) Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu. Protein niệu dương tính là một gợi ý cho các tổn thương cầu thận. Đây là xét nghiệm bán định lượng, để chẩn đoán chính xác cần dựa trên triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm chuyên sâu khác Cận lâm sàng - CĐHA 24. Chụp Xquang ngực thẳng Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh giá các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực. 25. Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) Âm tính giả với các khối u tạng đặc <1cm 26. Siêu âm tiền liệt tuyến qua đường bụng Đánh giá hình ảnh, ước tính trọng lượng của tiền liệt tuyến, phát hiện hình ảnh bất thường của tiền liệt tuyến. 27. Điện tim thường Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái
--	--	--	--	--

				- Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim <u>B. NỮ:</u> Khám lâm sàng 1. KSK_Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám 2. KSK_Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám 3. KSK_Khám Kiểm Tra Thị Lực Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt 4. KSK_Khám kiểm tra răng miệng Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng 5. KSK_Kiểm tra TMH Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai. 6. KSK_Khám phụ khoa, khám vú Đánh giá yếu tố nguy cơ, khám kiểm tra vú, phụ khoa, tư vấn và kết luận về bệnh lý vú và phụ khoa sau khi có kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh. Cận lâm sàng - Xét nghiệm 7. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan 8. Định lượng Cholesterol Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác 9. Định lượng Triglycerid Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác 10. Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu 11. Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu 12. Đo hoạt độ AST (GOT) Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào
--	--	--	--	---

				gan, biểu mô đường mật trong gan 13. Đo hoạt độ ALT (GPT) Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan 14. Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan 15. HBsAg miễn dịch tự động Kiểm tra tình trạng nhiễm virus viêm gan B 16. HBsAb định lượng Kiểm tra kháng thể với kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B 17. Định lượng Creatinin Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận 18. Định lượng Ure Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo. 19. Định lượng Axit uric Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng 20. Định lượng Glucose Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu 21. Định lượng HbA1c Bất thường tăng 22. Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động) Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu. Protein niệu dương tính là một gợi ý cho các tổn thương cầu thận. Đây là xét nghiệm bán định lượng, để chẩn đoán chính xác cần dựa trên triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm chuyên sâu khác 23. Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo nữ) Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt 24. Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào
--	--	--	--	--

				Cận lâm sàng - CĐHA 25. Chụp Xquang ngực thẳng Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh giá các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực. 26. Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) Âm tính giả với các khối u tạng đặc <1cm 27. Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) Phát hiện bệnh lý và dị dạng ở tử cung và phần phụ 28. Điện tim thường Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim
2	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa quốc tế Thu Cúc	1. Cơ sở Bệnh viện ĐKQT Thu Cúc Số 286-294 Đ.Thụy Khuê, P.Bưởi, Q.Tây Hồ, Hà Nội 2. Cơ sở Phòng khám ĐKQT Thu Cúc Số 216 Đ. Trần Duy Hưng, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội 3. Cơ sở Phòng khám Đa khoa Thu Cúc Số 32 Đ.Đại Từ, P.Đại Kim, Q.Hoàng Mai, Hà Nội	GÓI KHÁM TẦM SOÁT UNG THƯ A. NAM: 1. Khám lâm sàng: Nội tổng quát 2. Cận lâm sàng: - Huyết học: Tổng phân tích máu 18 thông số - Sinh hóa: 18 chỉ số sinh hóa bao gồm đánh giá chức năng gan, chức năng thận, đường máu, mỡ máu, acid uric đánh giá bệnh goute..., đánh giá chức năng tuyến giáp, tổng phân tích nước tiểu - Miễn dịch: Các chỉ số tầm soát bệnh viêm gan B, viêm gan C - Tầm soát ung thư: tầm soát ung thư tiền liệt tuyến 3. Chẩn đoán hình ảnh: - Nội soi tai mũi họng - Điện tim - Siêu âm: Siêu âm ổ bụng, siêu âm tuyến giáp - Xquang: Tim phổi

				<u>B. NỮ:</u> 1. Khám lâm sàng: - Khám Nội tổng quát, - Khám phụ khoa 2. Cận lâm sàng: - Huyết học: Tổng phân tích máu 18 thông số - Sinh hóa: 18 chỉ số sinh hóa bao gồm đánh giá chức năng gan, chức năng thận, đường máu, mỡ máu, acid uric đánh giá bệnh goute..., đánh giá chức năng tuyến giáp, tổng phân tích nước tiểu - Miễn dịch: Các chỉ số tầm soát bệnh viêm gan B, viêm gan C - Tầm soát ung thư: tầm soát ung thư cổ tử cung 3. Chẩn đoán hình ảnh: - Nội soi tai mũi họng - Điện tim - Siêu âm: Siêu âm ổ bụng, siêu âm tuyến giáp, siêu âm tuyến vú - Xquang: Tim phổi
3	Tp. Hồ Chí Minh	Bệnh viện quốc tế City CIH	3 Đường Số 17A, Bình Trị Đông B, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	<u>NAM/NỮ:</u> 01. KSK - Khám tổng quát Đo khúc xạ 02. Công thức máu - Huyết học Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm laser Hpylori, kháng thể, test nhanh 03. Tầm soát tiểu đường Glucose-máu đói 04. Chức năng thận Creatinine, máu 05. Chức năng gan AST (Aspartate aminotransferase)

				ALT (Alanine aminotransferase) GGT (Gamma Glutamyl transferase) 06.Xét nghiệm xương khớp Uric acid, máu 07.Phân tích nước tiểu Nước tiểu 10 thông số (máy) 08.Bộ xét nghiệm mỡ trong máu Cholesterol Total HDL-Cholesterol LDL-Cholesterol Triglyceride 09.Tầm soát viêm gan HAV Ab toàn phần (EIA) HBs Ab (EIA) 10.Tầm soát chức năng tuyến giáp TSH (Thyroid stimulating hormone) 11.Tầm soát tim mạch KSK - Điện tâm đồ 12.Chẩn đoán hình ảnh Chụp X-quang tim phổi thẳng Siêu âm Bụng đen-trắng
4	Hà Nội	Bệnh viện Việt Pháp	01 đường Phương Mai, phường Phương Mai, Q.Đống Đa, Hà Nội	1. Khám lâm sàng với Bác sỹ đa khoa / Clinical examination with General Practitioner: Khám và tư vấn tổng quát/ Physical examination Kiểm tra huyết áp/ Arterial blood pressure Kiểm tra chỉ số cơ thể /Body mass index (BMI) Kiểm tra răng miệng /Dental exam Kiểm tra tai mũi họng/ Ear, nose and throat exam

				Đo thị lực và sắc giác / Vision test and color check Kiểm tra vú /Breast examination (đối với nữ) 2. Cận lâm sàng/ Investigations: Công thức máu toàn phần /FBC (Full blood count) Men Gan /Liver enzymes: ALT, AST Định lượng Ure máu/ Urea serum Chức năng thận/ Kidney function: Creatinin Mỡ máu toàn phần/ Lipid profile: Total Cholesterol, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Tryglicerides Acid Uric /Uric Acid Đường huyết lúc đói /Fasting blood glucose Phân tích nước tiểu/ Urine Analysis (dipstick) 3. Chẩn đoán hình ảnh/ Diagnostic imaging: Chụp tim phổi/ Chest X-Ray Siêu âm ổ bụng/Abdominal ultrasound 4. Giải thích kết quả và tư vấn với bác sỹ Đa khoa/ Test explanation and recommendation by General GP
5	Tp. Hồ Chí Minh	Victoria Heathcare	1. Cơ sở 1: 37-39 đường Lương Định Của, Phường Bình An, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh 2. Cơ sở 2: 20-20Bis-22 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh 3. Cơ sở 3: 135A đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh 4. Cơ sở 4: 1056 đường Nguyễn Văn Linh, Sky Garden 1, P.Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	<u>A. NAM:</u> 1 Điều dưỡng kiểm tra 2 Đo chỉ số sinh hiệu 3 Kiểm tra thị lực 4 Bác sĩ Khám & tư vấn: Khám tổng quát 5 Xét nghiệm Công thức máu 6 Đường huyết lúc đói 7 Bộ mỡ (Cholesterol, Triglycerides, HDL and LDL) 8 Xét nghiệm chức năng thận – Creatinine 9 Xét nghiệm AST 10 Xét nghiệm ALT

				11 Xét nghiệm GGT 12 Xét nghiệm kháng thể viêm gan siêu vi B (HbsAb) 13 Xét nghiệm kháng nguyên viêm gan siêu vi B (HbsAg) 14 Xét nghiệm virus viêm gan C (Kháng thể HCV) 15 Xét nghiệm hormon kích thích tuyến giáp (TSH) 16 Uric Acid 17 Xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 18 Đo điện tâm đồ (ECG) 19 Siêu âm bụng tổng quát 20 Siêu âm tuyến giáp 21 Chụp X-quang phổi B. NỮ: 1 Điều dưỡng kiểm tra 2 Đo chỉ số sinh hiệu 3 Kiểm tra thị lực 4 Bác sĩ Khám & tư vấn: Khám tổng quát 5 Xét nghiệm Công thức máu 6 Đường huyết lúc đói 7 Bộ mỡ (Cholesterol, Triglycerides, HDL and LDL) 8 Xét nghiệm chức năng thận – Creatinine 9 Xét nghiệm AST 10 Xét nghiệm ALT 11 Xét nghiệm GGT 12 Xét nghiệm kháng thể viêm gan siêu vi B (HbsAb) 13 Xét nghiệm kháng nguyên viêm gan siêu vi B(HbsAg) 14 Xét nghiệm virus viêm gan C (Kháng thể HCV) 15 Xét nghiệm hormon kích thích tuyến giáp (TSH) 16 Uric Acid
--	--	--	--	--

				17 Xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 18 Đo điện tâm đồ (ECG) 19 Siêu âm bụng tổng quát 20 Siêu âm tuyến giáp 21 Chụp X-quang phổi 22 Khám phụ khoa + Thực hiện Papsmear + Kiểm tra vú
6	Hà Nội Tp. Hồ Chí Minh	Raffles Medical	1. Cơ sở 1: 51 Đ. Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội 2. Cơ sở 2: 285B Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Hồ Chí Minh	I. NAM: A. Khám lâm sàng Bác sĩ khám tổng quát Kiểm tra bệnh sử cá nhân Kiểm tra thị lực và sắc giác Kiểm tra chỉ số cơ thể Khám tai mũi họng Kiểm tra và tư vấn lịch tiêm chủng, tiêm phòng Kiểm tra huyết áp B. Cận lâm sàng - Xét nghiệm Kiểm tra mỡ máu (Mỡ máu toàn phần, HDL-LDL cholesterol, Triglycerides) Kiểm tra chức năng thận Urea Xét nghiệm sinh hóa chức năng thận Creatinin Kiểm tra nồng độ Acid Uric Kiểm tra chức năng gan SGOT-SGPT Kiểm tra chức năng gan GGT Xét nghiệm viêm gan B HBsAg Xét nghiệm viêm gan B HBs Antibody Xét nghiệm công thức máu toàn phần

				Xét nghiệm đường huyết lúc đói Phân tích nước tiểu Xét nghiệm nội tiết tố tuyến giáp FT3 Xét nghiệm tuyến giáp TSH Xét nghiệm nội tiết tố tuyến giáp FT4 C. Cận lâm sàng - CĐHA Đo loãng xương Chụp X-Quang tim phổi Siêu âm tổng quát ổ bụng Siêu âm tuyến giáp Điện tâm đồ II. NỮ: A. Khám lâm sàng Bác sĩ khám tổng quát Kiểm tra bệnh sử cá nhân Kiểm tra thị lực và sắc giác Kiểm tra chỉ số cơ thể Khám tai mũi họng Kiểm tra và tư vấn lịch tiêm chủng, tiêm phòng Kiểm tra huyết áp Khám vú cho nữ Khám phụ khoa cho nữ (dành cho nữ) Xét nghiệm tế bào cổ tử cung (cho nữ giới) B. Cận lâm sàng - Xét nghiệm Kiểm tra mỡ máu (Mỡ máu toàn phần, HDL-LDL cholesterol, Triglycerides) Kiểm tra chức năng thận Urea Xét nghiệm sinh hóa chức năng thận Creatinin
--	--	--	--	---

				Kiểm tra nồng độ Acid Uric Kiểm tra chức năng gan SGOT-SGPT Kiểm tra chức năng gan GGT Xét nghiệm viêm gan B HBsAg Xét nghiệm viêm gan B HBs Antibody Xét nghiệm công thức máu toàn phần Xét nghiệm đường huyết lúc đói Phân tích nước tiểu Xét nghiệm nội tiết tố tuyến giáp FT3 Xét nghiệm tuyến giáp TSH Xét nghiệm nội tiết tố tuyến giáp FT4 C. Cận lâm sàng - CĐHA Đo loãng xương Chụp X-Quang tim phổi Siêu âm tổng quát ổ bụng Siêu âm tuyến giáp Điện tâm đồ
7	Hà Nội	Mirai Heathcare	Tầng 2, tòa 901 chung cư Starlake, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1. Khám lâm sàng Khám nội tổng quát Đo chiều cao, cân nặng, đo huyết áp, đo vòng bụng 2. Xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi Đo hoạt độ AST, ALT, GGT, ALP, Amylase Định lượng bilirubin toàn phần, trực tiếp, gián tiếp Định lượng LDH, ALP, Protein toàn phần, Albumin, HDL-C, LDL-C, Triglycerid, Cholesterol toàn phần, Ure, Creatinin, Acid Uric, Glucose Tổng phân tích nước tiểu Định lượng HbA1c, TSH, FT3, FT4

				FOBT HBs Ag/Ab Qualitative 3. Dấu ấn ung thư Định lượng CEA, AFP PSA, CA 19-9 4. Chẩn đoán hình ảnh & thăm dò chức năng Đo thính lực, thị lực, điện tâm đồ, chụp X-quang tim phổi thẳng, đo chức năng hô hấp, siêu âm ổ bụng tổng quát, siêu âm bụng dưới, đo loãng xương, chụp đáy mắt
8	Tp. Hồ Chí Minh	Phòng khám quốc tế Careplus	1. Phòng khám Quận 1 Địa chỉ: Lầu 2, Tòa nhà Savico, 66-68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh 2. Phòng khám Quận 7 Địa chỉ: Lầu 2, Crescent Plaza, 105 đường Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh 3. Phòng khám Tân Bình Địa chỉ: Số 107, đường Tân Hải, P.13, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	I. NAM: A. KHÁM & TƯ VẤN VỚI BÁC SĨ CHUYÊN KHOA • Khám nội tổng quát • Khám răng hàm mặt B. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH: • X-quang ngực thẳng • Siêu âm bụng • Điện tâm đồ (ECG) C. XÉT NGHIỆM • Công thức máu • GLUCOSE • Chức năng thận (UREA, CREATININE) • Men gan: AST, ALT, GGT. • Bộ mỡ máu (LIPID PROFILE) • ACID URIC máu • Viêm gan siêu vi B - kháng nguyên (HBSAG) • Tổng phân tích nước tiểu II. NỮ: A. KHÁM & TƯ VẤN VỚI BÁC SĨ CHUYÊN KHOA • Khám nội tổng quát

				• Khám răng hàm mặt • Khám phụ khoa B. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH • X-quang ngực thẳng • Siêu âm bụng • Siêu âm nhũ • Điện tâm đồ (ECG) C. XÉT NGHIỆM • Công thức máu • Đường huyết (GLUCOSE) • Chức năng thận (UREA, CREATININE) • Men gan: AST, ALT, GGT • Mỡ máu: LIPID PROFILE • Acid uric máu • Viêm gan siêu vi b - kháng nguyên (HBSAG) • PAP SMEAR • Tổng phân tích nước tiểu
9	Lấy mẫu tại nhà - trả kết quả online Áp dụng toàn quốc	Gene Solution	Lấy mẫu tại nhà - trả kết quả online (áp dụng toàn quốc) Văn phòng: - 214 P. Hào Nam, Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội - 186 - 188 Nguyễn Duy Dương, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	A. NAM: MenCare: Xét nghiệm tầm soát nguy cơ ung thư di truyền cho nam giới Khảo sát nguy cơ ung thư tiền liệt tuyến, ung thư đại trực tràng và dạ dày di truyền trên 10 gen (BRCA1, BRCA2, MLH1, MSH2, EPCAM, PMS2, MSH6, APC, MUTYH, CDH1) B. NỮ: Pinkcare: Xét nghiệm tầm soát nguy cơ ung thư di truyền cho nữ giới Khảo sát nguy cơ ung thư vú, buồng trứng và đại-trực tràng di truyền trên 10 gen (BRCA1, BRCA2, PTEN, TP53, CDH1, PALB2, STK11, MLH1, MSH2, APC)

ĐẶC QUYỀN GÓI BẢO HIỂM SỨC KHỎE EMERALD VÀ GOLD

Trân trọng gửi tặng Quý khách đặc quyền Gói Bảo hiểm sức khỏe Emerald và Gold.

- Thẻ Bảo hiểm của KH sẽ được phát hành trong vòng 7 – 15 ngày làm việc kể từ ngày Khách hàng liên hệ Tổng đài đặt dịch vụ thành công.
- Dịch vụ **không được hoàn/hủy/thay đổi**. Quà tặng sẽ không được hoàn lại tiền thừa và không có giá trị quy đổi thành tiền mặt.

I. THỜI HẠN BẢO HIỂM

Thời hạn bảo hiểm của từng người được bảo hiểm: Một (01) năm kể từ ngày MSIG xác nhận hiệu lực bảo hiểm và phát hành giấy chứng nhận bảo hiểm.

Trường hợp người được bảo hiểm muốn tái tục hợp đồng bảo hiểm của mình với MSIG, OCB có trách nhiệm hướng dẫn người được bảo hiểm các thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và của MSIG.

II. ĐIỀU KIỆN THAM GIA BẢO HIỂM

1. Tuổi tham gia:

- Từ 01 đến 65 tuổi
- Trẻ em từ 01 tuổi đến 18 tuổi được bảo hiểm khi tham gia cùng với bố hoặc mẹ (áp dụng Gói bảo hiểm sức khỏe thông thường) với quyền lợi tương đương hoặc thấp hơn.
- Người được bảo hiểm từ 66 tuổi trở lên chỉ được tái tục trong trường hợp đã tham gia với MSIG trước đó 02 năm.
- Không bị các bệnh lý về thần kinh, phong.
- Không bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên.
- Không trong thời gian điều trị bệnh/thương tật/nằm viện.
- Không bị ung thư.

Lưu ý: Người được nhận bảo hiểm gói OCB tặng phải có trách nhiệm kiểm tra tình trạng sức khỏe so với danh mục các bệnh có sẵn ở bảng dưới đây và phản hồi cho công ty Bảo hiểm (MSIG) về tính chính xác, đúng sự thật và không che giấu bất cứ một thông tin nào có thể gây ảnh hưởng đến quyết định chấp thuận bảo hiểm của Công ty bảo hiểm.

2. Quyền lợi bảo hiểm:

GÓI ĐẶC QUYỀN	DIAMOND	DIAMOND ELITE
GÓI BẢO HIỂM	GOLD	EMERALD
Phạm vi lãnh thổ Territorial Scope	Việt Nam	Việt Nam
1. Tử vong và thương tật vĩnh viễn do tai nạn <i>Death & Permanent disablement due to accident</i>	200,000,000	500,000,000
2. Tử vong và thương tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật <i>Death & Permanent disablement due to illness, disease</i>	55,000,000	150,000,000
3. Điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật, tai nạn (Số tiền bảo hiểm tối đa) <i>In-patient treatment due to accident, illness and disease (maximum limit)</i>	55,000,000	150,000,000
Chi phí chăm sóc đặc biệt (tối đa 25 ngày) <i>Intensive care unit/day (max 25 days)</i>	Không áp dụng	8,250,000
Chi phí nằm viện tổng hợp/ngày (tối đa 100 ngày/ năm) <i>Hospitalization expenses/ day (maximum 100 days p,a)</i>	2,625,000	6,875,000
Điều trị trước khi nhập viện trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện <i>Pre-hospitalization treatment within 30 days prior to the hospital admission</i>	2,100,000	2,750,000
Điều trị sau khi xuất viện và chăm sóc y tế tại nhà trong vòng 30 ngày sau khi xuất viện <i>Post hospitalization and home-nursing treatment within 30 days after to the hospital discharge</i>	2,100,000	2,750,000
Chi phí phẫu thuật <i>Surgical charges</i>	55,000,000	150,000,000
Chi phí phẫu thuật trong ngày (nằm trong chi phí phẫu thuật) <i>Daycare Surgical expenses (included in Surgical charges)</i>	5,250,000	8,250,000
Cấy ghép bộ phận cơ thể (Số tiền bảo hiểm suốt đời) <i>Organ transplantation (limit per lifetime)</i>	Không áp dụng	27,500,000

Điều trị cấp cứu (khẩn cấp) <i>Emergency treatment</i>	7,350,000	13,200,000
Điều trị nha khoa cấp cứu do tai nạn <i>Emergency Accidental Dental Treatment</i>	7,350,000	13,200,000
Điều trị thai sản cấp cứu do tai nạn/năm <i>Emergency Accidental Pregnancy Treatments</i>	7,350,000	13,200,000
Chi phí mai táng <i>Burial allowance</i>	2,500,000	4,125,000
Trợ cấp nằm viện theo đêm /ngày – tối đa 100 đêm/năm <i>Daily Allowance per night (Up to 100 nights per policy period)</i>	78,500	165,000
4. Quyền lợi bảo hiểm ngoại trú <i>Out-patient treatment</i>	15,000,000	27,000,000
Số lần thăm khám <i>Number of visits</i>	10 lần	10 lần
Giới hạn 1 lần khám <i>Limit per visit</i>	2,750,000	6,500,000
Chăm sóc nha khoa (nằm trong Ngoại trú) <i>Dental care (including In-patient)</i>	2,750,000	6,500,000
Số lần thăm khám <i>Number of visits</i>	5 lần bao gồm 2 lần lấy cao răng	
Phạm vi lãnh thổ <i>Territory limit</i>	Việt Nam	Việt Nam
Quy tắc bảo hiểm	Flexi	Flexi

3. Danh mục các bệnh có sẵn xem xét nhận bảo hiểm:

Chi tiết các bệnh loại trừ (áp dụng đối với gói tặng OCB đăng ký)

TT	DANH MỤC BỆNH	B LOẠI TRỪ RIÊNG BỆNH HOẶC ĐỒNG CHI TRẢ	C TỪ CHỐI BẢO HIỂM
1	Bệnh hệ thần kinh		
	Viêm hệ thần kinh trung ương (não), tủy sống		X
	Parkison		X
	Thoái hóa khác của hệ thần kinh		X
	Mất trí nhớ, hôn mê, bại não, liệt		X
2	Bệnh hệ hô hấp		
	Suy phổi, tràn khí phổi, suy hô hấp mãn tính		X
	Viêm phổi tắc nghẽn		X
3	Bệnh hệ tuần hoàn		
	Tim	X	
	Tăng áp lực động mạch vành vô căn	X	
	Mạch máu não/ đột quy (xuất huyết não, xơ cứng động mạch)		X
	Nhồi máu cơ tim		X
4	Bệnh hệ tiêu hóa		
	Viêm gan (A, B, C)	X	
	Xơ gan		X
	Mật, tụy, dạ dày	X	
5	Bệnh hệ tiết niệu		
	Suy thận, teo thận, sỏi thận cả 2 bên		X
	Chạy thận nhân tạo		X
	Tiểu đường chỉ số trên 16 ở những người trên 50 tuổi	X	X
	Tiểu đường chỉ số dưới 16 ở những người trên 50 tuổi	X	X
	Tiểu đường chỉ số dưới 16 ở những người dưới 50 tuổi	X	
6	Bệnh hệ nội tiết		

TT	DANH MỤC BỆNH	B LOẠI TRỪ RIÊNG BỆNH HOẶC ĐỒNG CHI TRẢ	C TỪ CHỐI BẢO HIỂM
	Rối loạn tuyến giáp, cường giáp, suy giáp	X	
7	Khối U		
	U xơ tử cung (dưới 40 tuổi)	X	
	U nang buồng trứng	X	
	U ác, U xơ tiền liệt		X
	U thượng thận trái (cắt hoặc chưa cắt)		X
	Polip lớn hơn 1 cm (là phải mổ nội soi)	X	
8	Bệnh về máu		
	Rối loạn đông máu	X	
	Ghép tủy		X
9	Bệnh của da và các mô liên kết		
	Lupus ban đỏ		X
	Xơ cứng bì toàn thân	X	
	Teo cơ	X	
	Loạn dưỡng cơ	X	
	Các bệnh tự miễn		X
10	Bệnh về cơ xương khớp		
	Thoái hóa xương, thoái hóa cột sống, đốt sống	X	
	Thoát vị đĩa đệm	X	
11	Bệnh hệ tai		
	Điếc	X	
12	Bệnh hệ mạch		
	Trĩ độ 2-3	X	
	Suy van tĩnh mạch	X	
13	Các bệnh khác		
	Bệnh hệ thống tạo keo (Collageno)		X

TT	DANH MỤC BỆNH	B LOẠI TRỪ RIÊNG BỆNH HOẶC ĐỒNG CHI TRẢ	C TỪ CHỐI BẢO HIỂM
	Lao các loại		X
	Phong		X
	Ung thư các loại		X
	Các bệnh tự miễn		X
	Suy tử		X
	Bạch cầu		X
	Các bệnh lây qua đường tình dục, giang mai, lậu, hội chứng suy giảm miễn dịch		X
	Bệnh bẩm sinh, di truyền, dị dạng về gen	X	X
	Down		X
	Khô mắt, mờ mắt, đục thủy tinh thể	X	
14	Các bệnh không thuộc danh sách này	Thẩm định tùy trường hợp	

4. Quy định đối với trường hợp kê khai không trung thực:

- Người được bảo hiểm có trách nhiệm kiểm tra tình trạng sức khỏe so với danh mục các bệnh có sẵn ở bảng trên và phản hồi cho công ty Bảo hiểm (MSIG) về tính chính xác, đúng sự thật và không che giấu bất cứ một thông tin nào có thể gây ảnh hưởng đến quyết định chấp thuận bảo hiểm của Công ty bảo hiểm.
- Thông tin phản hồi gửi về:
Phòng Bancassurance – Công ty Bảo hiểm MSIG
Email: banca@vn.msig-asia.com
Tiêu đề email: Tên Người được bảo hiểm - số hợp đồng
Trong trường hợp Công ty bảo hiểm không nhận được bất kỳ phản hồi nào của người được bảo hiểm nhưng phát hiện ra trường hợp Người được bảo hiểm có bệnh có sẵn theo danh mục trên nhưng không phản hồi, Công ty bảo hiểm có quyền từ chối bồi thường khiếu nại phát sinh nếu có, đồng thời hợp đồng bảo hiểm sẽ vô hiệu.
- Lưu ý: “Bệnh hô hấp cấp tính, không can thiệp nội khoa và không phải bệnh đặc biệt” không phải xem là bệnh có sẵn/ bệnh kê khai.

- Trường hợp tái tục, MSIG không đồng ý bảo hiểm hoặc chịu trách nhiệm cho việc người tham gia bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên và/hoặc đang điều trị tại bệnh viện
- Trường hợp Người tham gia không đúng theo đối tượng và điều kiện tham gia đề cập tại Hợp đồng và các Phụ lục, MSIG có quyền chấm dứt bảo hiểm và không chịu trách nhiệm với quyền lợi bảo hiểm đã đăng ký.

5. Thời gian chờ:

- Quyền lợi bảo hiểm sẽ bắt đầu khả dụng sau khi kết thúc thời gian chờ kể từ ngày bắt đầu hiệu lực bảo hiểm như dưới đây:
- 30 ngày đối với trường hợp ốm đau, bệnh tật thông thường.
- 60 ngày đối với trường hợp sảy thai, nạo thai theo chỉ định của bác sĩ, điều trị thai sản.
- 365 ngày đối với trường hợp sinh đẻ.
- 365 ngày đối với bệnh đặc biệt, bệnh mãn tính và bệnh có sẵn.

Điều kiện bồi thường: MSIG chỉ chi trả bồi thường khi phí bảo hiểm đã được thanh toán đầy đủ.